

Bản án số: **80/2021/HS-ST**

Ngày: 26/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Hưng**

Bà **Lê Thị Hồng**

Ông **Nguyễn Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Trương Quang Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXST-HS ngày 26/8/2021 và Thông báo hoãn phiên tòa số 86/2021/TB-TA ngày 09/9/2021 đối với các bị cáo.

1. Trần Hữu B; sinh ngày 21 tháng 9 năm 1987 tại Đà Nẵng, Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 43 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 5/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hữu Ph (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị Mư (sinh năm 1959); gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ 02; Có vợ là Lê Thị Minh Tr (sinh năm 1987, đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giam ngày 27/8/2020. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Hữu H; sinh ngày 02 tháng 9 năm 1993 tại Đà Nẵng, Nơi ĐKHKTT: Tổ 43 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Tổ 29 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình

độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Hữu Ph (sinh năm 1958) và bà Nguyễn Thị Mư (sinh năm 1959); gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con út; Có vợ là Nguyễn Thị Bích Li (sinh năm 1992) và có 01 con sinh năm 2016; Tiền sự: Chưa.

Tiền án: Ngày 27/12/2017 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người bào chữa cho bị cáo Trần Hữu B:** là Luật sư Võ Văn Đá, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt

* **Bị hại:** Anh **Trần Đại Qu**, sinh năm 1974 – Nơi cư trú: Tổ 40 phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Có mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Đặng Kim Ph**, sinh năm 1979 – Nơi cư trú: Tổ 05 phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt

- Anh **Trương Quốc Ho**, sinh năm 1990 – Nơi cư trú: Tổ 15 phường H, quận L, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt

- Chị **Lê Thị Hồng L**, sinh năm 1983 – Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt

- Chị **Tưởng Thị Thu H**, sinh năm 1988 – Nơi cư trú: Xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng. Vắng mặt

- Anh **Phạm Ng**, sinh năm 1963 – Nơi cư trú: Số 73 P, phường H, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

- Anh **Đinh Văn Thu**, sinh năm 1982 – Nơi cư trú: Tổ 43 phường N, quận L, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04/6/2020, Trần Hữu B và Tưởng Thị Thu H (sinh năm 1988 – Nơi cư trú: Xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng) đang ngồi uống bia tại quán N, lô C1 biệt thự X, đường N, tổ 31 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng thì có Trần Đại Qu (sinh năm 1974 – Nơi cư trú: Tổ 04 phường H, quận L, TP. Đà Nẵng), Đặng Kim Ph (sinh năm 1979 – Nơi cư trú: Tổ 05 phường H, quận L, TP. Đà Nẵng), Trương Quốc Ho (sinh năm 1990 – Nơi cư trú: Tổ 15 phường N, quận L, TP. Đà Nẵng) và Lê Thị Hồng L (sinh năm 1983 – Nơi cư trú: Thôn L, xã T,

huyện N, tỉnh Quảng Nam) đến ngồi ở bàn kế bên. Khi thấy B và H, L có kể cho mọi người là H đang nợ L số tiền 1.000.000đ. Nghe vậy Qu đi qua bàn của Bi để nói chuyện về số tiền nợ giữa H và L, nhưng lúc này H đã đi vào nhà vệ sinh, thì Qua và Bi xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Qu dùng tay đánh vào mặt Bi một cái nhưng không gây thương tích, thấy đánh nhau, anh Phạm Ngọc (sinh năm 1963, trú 73 P, phường H, quận L, là chủ quán) đến can ngăn, nên Qu về lại bàn. Một lúc sau, Bi và H tính tiền ra lấy xe về, Qu cầm xô nhựa đựng đá của quán đi theo đòi đánh Bi thì Ph can ngăn lại. Lúc Bi đi về thì nhóm của Qu cũng trao đổi chuẩn bị hung khí với mục đích nếu Bi quay lại đánh thì dùng hung khí chống đỡ lại. Ph nói với Ho về nhà Ph lấy 01 cây dao tự chế (dài khoảng 50cm) và 01 cây búa đinh (dài khoảng 40cm) để dưới bàn.

Sau khi chở H về nhà, do tức giận vì bị Qu đánh nên Bi về nhà lấy 01 con dao tự tạo (dài khoảng 50cm, dùng để cạo sơn) giấu trong áo sau lưng với mục đích quay lại quán để đánh Qu. Lúc này, Trần Hữu H là em ruột của Bi vừa đi làm về thì Bi nhờ H chở đi có việc, H có hỏi Bi là chở đi đâu, có việc gì thì Bi không trả lời và tiếp tục nhờ H chở đi. Sau đó, H điều khiển xe mô tô BKS 43H1-0824 chở Bi đi. H chở Bi ra đường N đi theo sự chỉ dẫn của Bi, khi đến quán N thì Bi nói H dừng xe lại. Bi nhảy xuống chạy thẳng vào trong quán đến chỗ Qu đang ngồi chém 01 nhát vào người Qu theo hướng từ trên xuống, Qu cầm mã tấu dưới bàn lên đỡ thì lưỡi mã tấu bị văng ra, lưỡi dao của Bi trúng vào đầu bên trái Qu, Bi chém tiếp nhát thứ hai thì Qu cầm ghế nhựa lên đỡ làm rơi ghế xuống đất, Bi chém tiếp nhát thứ ba trúng vào vùng trên cánh tay trái của Qu thì Qu bỏ chạy vào trong quán được một đoạn thì ngã xuống đất. Bi đuổi theo chém thêm một nhát nữa trúng vào cẳng chân phải của Qu. Chém xong Bi đi ra khỏi quán.

Đối với Trần Hữu H, khi dừng xe trước quán, H không biết Bi vào quán làm gì. Sau khi lấy thuốc lá ra hút, H quay lại thì thấy Bi vừa chạy vào quán vừa rút con dao giấu trong người ra, lúc này H mới biết là Bi cầm dao đi đánh nhau, nên liền chạy vào để can ngăn Bi lại, nhưng do sự việc diễn ra quá nhanh, H không kịp can ngăn Bi. Khi Bi đi ra thì gặp H đi vào, H có hỏi Bi “*Có chuyện gì, thôi đi về*”, Bi không nói gì và đi ra xe gọi H chở đi. Sau đó, H chở Bi đi đến đoạn N – H thì Bi nói H dừng xe và bảo H về nhà, còn Bi đi bộ vứt cây mã tấu xuống biển và đi lang thang không về nhà. Qu được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đà Nẵng. Mặc dù biết rõ hành vi của Bi dùng dao chém người liên tiếp vào người Qu, nhưng sau khi về nhà H không tố giác hành vi phạm tội của Bi.

Các tang vật là cây mã tấu của Bi, cây dao tự chế và cây búa đinh của Qu không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định số 174 ngày 16/7/2020 của Trung tâm pháp y thành phố Đà Nẵng kết luận thương tích của Trần Đại Qu như sau:

- Vết thương đầu vùng trái bán cầu trái: Vỡ lún sọ, dập não, rách màng cứng, tụ máu và khí nội sọ, đã được phẫu thuật mở rộng vết thương, lấy bỏ sọ lún, vá màng cứng, khâu vết thương. Hiện tại tổn thương bên ngoài đã lành sẹo, xương hộp sọ vùng tương ứng có ổ khuyết đáy chắc, nạn nhân tỉnh, tiếp xúc được, không phát hiện yếu liệt chi, 12 đôi thần kinh sọ não không phát hiện bất thường, nạn nhân khai ăn và uống được. CT Scanner sọ não kiểm tra: Ổ tổn thương nhu mô não hóa dịch thái dương đỉnh trái kích thước khoảng 13 x 23,6mm, không thấy máu tụ nội sọ, khuyết sọ vùng thái dương đỉnh trái kích thước khoảng 50 x 21 mm.

- Vết thương cẳng chân phải: Gãy đầu trên xương chày, đứt khối cơ duỗi trước ngoài đã phẫu thuật cố định ổ gãy, khâu nối cơ, khâu vết thương hiện tại tổn thương bên ngoài đã lành sẹo, vận động khớp gối phải còn hạn chế nhiều do đau, nạn nhân đang tập đi lại trên nạng. Trên phim kiểm tra: gãy 1/3 trên xương chày phải đã phẫu thuật, thẳng trục.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích nêu trên gây nên hiện tại là **52%**.

Về trách nhiệm dân sự:

Trần Đại Qu yêu cầu bồi thường các khoản tiền viện phí, thuốc men và chi phí chữa trị vết thương với số tiền 30.000.000đ. Trần Hữu B đã bồi thường cho Qu số tiền 20.000.000đ.

Với nội dung trên tại Bản cáo trạng số: 90/CT-VKS-P2 ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Hữu B về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Trần Hữu H về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Hữu B về tội “Giết người”, Trần Hữu H về tội “Không tố giác tội phạm” như bản cáo trạng đã truy tố, trên cơ sở phân tích đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Trần Hữu B áp dụng: Điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 57, Điều 15, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hữu B từ 11 đến 12 năm tù.

- Đối với bị cáo Trần Hữu H áp dụng: khoản 1 Điều 390; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Hữu H từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Hữu B, Trần Hữu H cũng đã khai nhận các hành vi phạm tội của mình và thừa nhận tội danh như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng truy tố là đúng. Các bị cáo chỉ xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Hữu B thống nhất về tội danh và điều khoản như cáo trạng đã truy tố bị cáo. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị HĐXX xem xét các tình tiết để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội chưa đạt, chưa có tiền án, tiền sự, đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt liên kề.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Qua xem xét lời khai nhận của các bị cáo; quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; luận cứ bào chữa của luật sư và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định:

Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 04/6/2020 tại quán nhậu N (trên đường N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng) chỉ vì mâu thuẫn với Trần Đại Qu nên Trần Hữu B nảy sinh ý định trả thù, Bì đã dùng một con dao tự tạo (dài khoảng 50cm) chém liên tiếp 03 nhát vào vùng đầu, cánh tay trái và cẳng chân phải của Trần Đại Qu, tỷ lệ thương tích là **52%**. Việc bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm đâm vào những vị trí hiểm yếu trên cơ thể bị hại Trần Đại Qu là rất nguy hiểm. Trần Đại Qu không chết là do được cấp cứu kịp thời. Do đó, hành vi của Trần Hữu B đã phạm vào tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng tội.

Đối với Trần Hữu H là em ruột của Trần Hữu B, sau khi thấy Bì dùng mã

tàu chém Qu thì chạy vào can ngăn nhưng không kịp, sau đó H chở Bi về. Khi đến đường H, thành phố Đà Nẵng, Bi yêu cầu H dừng xe và bảo H về nhà, còn Bi đi bộ ra biển vứt hung khí và đi lang thang không về nhà. Mặc dù biết rõ hành vi phạm tội của Bi nhưng H đã không có hành vi gì để trình báo về sự việc, nên hành vi của Trần Hữu H đã phạm vào tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 390 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng truy tố là có căn cứ, đúng tội.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo Bi đã dùng dao là hung khí nguy hiểm chém bị hại Trần Đại Qu, Bi liên tiếp chém nhiều nhất trúng vào người Qu trước sự chứng kiến của nhiều người. Việc bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác; đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục riêng cũng như răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo H mặc dù biết rõ hành vi phạm tội của Bi nhưng H đã không tố giác hành vi phạm tội của Trần Hữu B với cơ quan chức năng. Vì vậy, đối với bị cáo H cũng cần phải xử phạt nghiêm, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục riêng cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[3.1]. *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng*: Bị cáo H có 1 tiền án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án số 79/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng với mức án 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2]. *Về tình tiết giảm nhẹ và việc quyết định hình phạt*: Tuy nhiên xét thấy sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Bị cáo Trần Hữu B đã bồi thường cho bị hại Qu số tiền 20.000.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại cũng có 1 phần lỗi. Ngoài ra, hậu quả người bị hại không chết nên bị cáo Bi phạm tội thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Bị cáo là lao động chính nuôi 02 con còn nhỏ (sinh năm 2010 và 2012) theo Quyết định ly hôn số 05 ngày 07/01/2020 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Do đó HĐXX sẽ áp dụng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm

b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 38, Điều 57 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Bi khi lượng hình. Do bị cáo Bi có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo Bi bồi thường số tiền 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại tự nguyện giảm bớt cho bị cáo 5.000.000đ, còn yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000đ. Bị hại thừa nhận cũng có một phần lỗi do đánh bị cáo trước vì vậy xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất và không có yêu cầu hay khiếu nại gì thêm. Xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp, bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về xử lý vật chứng: Các tang vật là cây mã tấu của Bi, cây dao tự chế và cây búa đinh của Qu không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[6]. Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với Trần Đại Qu có hành vi dùng tay đánh Trần Hữu B, nhưng không gây thương tích, Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính là có cơ sở.

Đối với xe mô tô BKS 43H1-0824 qua điều tra xác định là của anh Đinh Văn Th (sinh năm 1982, trú tại tổ 43 phường H, quận L, TP Đà Nẵng), xét thấy không liên quan đến vụ án, nên không thu giữ.

[7]. Về án phí: Bị cáo Trần Hữu B, Trần Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Trần Hữu B phạm tội “Giết người”, **Trần Hữu H** phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

1. Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 38, Điều 57, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Trần Hữu B 11 (Mười một) năm tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/8/2020.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 390; điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: **Trần Hữu H 06 (Sáu) tháng tù.** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS và Điều 591 BLDS năm 2015. *Xử:* Buộc bị cáo Trần Hữu B bồi thường thiệt hại cho bị hại anh Trần Đại Qu số tiền là: **5.000.000đ** (*Năm triệu đồng*)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Hữu B, Trần Hữu H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Hữu B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án hoặc nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATP Đà Nẵng;
- Phòng PC 45- CATP Đà Nẵng;
- Cục THA TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trọng Danh